

**BỘ TƯ PHÁP
CỤC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

Biểu tượng luôn luôn đi cùng dân

**BẠN VỚI PHÁP LUẬT VỀ
ĐĂNG KÝ KẾT HÔN CỦA ĐỒNG
BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ**

Hình ảnh đôi nam nữ mặc trang phục dân tộc nắm tay nhau hạnh phúc đi ra từ Ủy ban nhân dân phường, trên tay cầm Giấy đăng ký kết hôn

Phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

NĂM 2013

Kết hôn là gì?

Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn.

Những trường hợp cấm kết hôn

Cấm kết hôn trong những trường hợp sau đây:

☞ Người đang có vợ hoặc có chồng;

☞ Người mất năng lực hành vi dân sự;

☞ Giữa những người cùng dòng máu về trực hệ; giữa những người có họ trong phạm vi ba đời;

☞ Giữa cha, mẹ nuôi với con nuôi; giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi, bố chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, bố dượng với

con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng;

☞ Giữa những người cùng giới tính.

Tuổi kết hôn

Nam từ hai mươi tuổi (đủ 19 tuổi + 1, 2 ... ngày) trở lên, nữ từ mười tám tuổi (đủ 17 tuổi + 1, 2 ... ngày) trở lên mới được kết hôn để bảo đảm sự phát triển giống nòi, bảo đảm cho các bên nam, nữ có đủ điều kiện về sức khỏe và khả năng chăm lo cuộc sống gia đình.

Bảo đảm quyền tự do kết hôn của nam, nữ

☞ Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định; không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng; không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào.

☞ Không ai được lợi dụng việc xem tướng số hoặc các hình thức mê tín dị đoan khác để cản trở việc thực hiện quyền tự do kết hôn của nam và nữ.

Bảo đảm quyền tự do kết hôn của người phụ nữ góa chồng, người đàn ông góa vợ

☞ Người phụ nữ góa chồng, người đàn ông góa vợ có quyền kết hôn với người khác và không phải trả lại tiền cưới cho nhà chồng hoặc nhà vợ cũ. Khi kết hôn với người khác, quyền lợi về con cái và tài sản của người đó được pháp luật bảo vệ.

Hồ sơ đăng ký kết hôn

Khi đăng ký kết hôn, hai bên nam, nữ cần làm 01 bộ hồ sơ bao gồm:

☞ Tờ khai đăng ký kết hôn;

☞ Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Sổ hộ khẩu hoặc Giấy khai sinh; trường hợp nộp bản sao không có chứng thực, thì phải xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

Thời gian giải quyết việc đăng ký kết hôn

☞ Sau khi nhận Tờ khai đăng ký kết hôn, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, nếu các bên đã có đủ điều kiện hết hôn thì thực hiện ngay việc đăng ký kết hôn trong ngày làm việc đó, nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ thì việc đăng ký được thực hiện trong ngày làm việc tiếp theo; trong trường hợp cần xác minh, thời hạn được kéo dài không quá 05 ngày làm việc.

☞ Sau khi hai bên nam, nữ ký tên vào Giấy chứng nhận kết hôn và Sổ đăng ký kết hôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký Giấy chứng nhận kết hôn. Bản chính Giấy chứng nhận

kết hôn được trao cho vợ, chồng mỗi người một bản tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc tại nơi cư trú.

Các hành vi nghiêm cấm

☞ Nghiêm cấm tục cướp vợ để cưỡng ép người phụ nữ làm vợ.

☞ Nghiêm cấm tập quán buộc người vợ góa, chồng góa phải lấy một người khác trong gia đình chồng cũ hoặc gia đình vợ cũ mà không được sự đồng ý của người đó.

☞ Nghiêm cấm tập quán kết hôn giữa những người có cùng dòng máu về trực hệ hoặc có liên quan dòng họ trong phạm vi ba đời.

☞ Nghiêm cấm việc thách cưới cao mang tính chất gả bán (như đòi bạc trắng, tiền mặt, của hồi môn, trâu, bò, chiêng ché... để dẫn cưới) và các hành vi cản trở việc kết hôn hoặc xâm

phạm đến nhân phẩm của người phụ nữ.

Giải quyết việc đăng ký kết hôn

☞ Sau khi nhận đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định của pháp luật về hộ tịch, cơ quan đăng ký kết hôn kiểm tra hồ sơ đăng ký kết hôn; nếu xét thấy hai bên nam nữ có đủ điều kiện kết hôn thì cơ quan đăng ký kết hôn tổ chức đăng ký kết hôn.

☞ Trong trường hợp một bên hoặc cả hai bên không đủ điều kiện kết hôn thì cơ quan đăng ký kết hôn từ chối đăng ký và giải thích rõ lý do bằng văn bản; nếu người bị từ chối không đồng ý thì có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Áp dụng phong tục, tập quán về hôn nhân và gia đình

Các phong tục, tập quán tốt đẹp về hôn nhân và gia đình của các dân

tộc thiểu số sau đây thể hiện bản sắc của mỗi dân tộc được tôn trọng và phát huy:

☞ Chế độ hôn nhân một vợ, một chồng;

☞ Nam, nữ tự do tìm hiểu, tự do lựa chọn người bạn đời;

☞ Sau khi kết hôn, tùy theo sự sắp xếp, thỏa thuận giữa hai bên gia đình, vợ, chồng có thể cư trú ở nhà vợ hoặc ở nhà chồng (tục đổi sữa mẹ);

☞ Phong tục, tập quán chấp nhận hôn nhân giữa người thuộc dân tộc mình với người thuộc dân tộc khác;

☞ Quan hệ hôn nhân và gia đình bền vững.

Tổ chức đăng ký kết hôn

Khi tổ chức đăng ký kết hôn phải có mặt hai bên nam, nữ kết hôn. Đại diện cơ quan đăng ký kết hôn yêu

cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn thì đại diện cơ quan đăng ký kết hôn trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.*

2. *Nghị định số 32/2002/NĐ-CP ngày 27/3/2002 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình đối với các dân tộc thiểu số.*

3. *Nghị định số 06/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về hộ tịch, hôn nhân và gia đình và chứng thực.*